

Số: *3729* /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày *27* tháng *9* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án tăng cường bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý” với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm.

a) Bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi là vấn đề quan trọng, cấp bách; đòi hỏi có sự chỉ đạo chặt chẽ của các Bộ, ngành cũng như sự tham gia vào cuộc của chính quyền và nhân dân trên địa bàn.

b) Bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi phải được thực hiện đồng bộ và thống nhất theo hệ thống, kết hợp chặt chẽ giữa việc bảo vệ chất lượng nước với đảm bảo số lượng nước trong công trình thủy lợi.

c) Lấy phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái chất lượng nước là chính, kết hợp với việc từng bước xử lý, khắc phục có hiệu quả những điểm nóng về ô nhiễm, thông qua nhiều hình thức và các giải pháp phù hợp, khả thi.

d) Ưu tiên lồng ghép thực hiện Đề án bảo vệ chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi với các dự án, chương trình khác liên quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và từng địa phương.

e) Kết hợp giữa nguồn lực của nhà nước với vận động, thu hút đầu tư của các tổ chức, cá nhân, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác cho việc bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

2. Mục tiêu, phạm vi đề án

2.1. Mục tiêu

Đề hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi, từng bước cải thiện chất lượng nước, tiến tới đảm bảo chất lượng nguồn cấp nước đáp ứng yêu cầu của sản xuất, dân sinh, cần đạt được các mục tiêu cụ thể:

a) Quản lý việc cấp phép và kiểm tra việc thực hiện giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi:

- Đến hết năm 2022: đạt tỷ lệ 100% các bệnh viện và khu công nghiệp, 50% các cụm công nghiệp và làng nghề có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ) phải có giấy phép theo quy định tại nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

- Đến hết năm 2025: đạt tỷ lệ 80% các cụm công nghiệp và làng nghề có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ) phải có giấy phép theo quy định tại nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi:

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi của các bệnh viện, khu, cụm công nghiệp và các làng nghề.

- Phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm quy định về xả nước thải vào công trình thủy lợi, kiến nghị cơ quan chức năng xử lý kịp thời các hành vi vi phạm mới phát hiện.

2.2. Phạm vi đề án:

- Phạm vi không gian: Đề án được triển khai thực hiện trên phạm vi các hệ thống công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, bao gồm: các hồ chứa thủy lợi thuộc loại quan trọng đặc biệt (Dầu Tiếng, Cửa Đạt, Ngàn Trươi, Tả Trạch); 04 hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh (Dầu Tiếng, Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà, Ia Mơr);

Đối với các công trình thủy lợi còn lại, sau khi Đề án được phê duyệt, Bộ sẽ có văn bản chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, tham khảo Đề án của Bộ để xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Đề án được triển khai thực hiện sau khi được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đến hết năm 2025; Định kỳ hằng năm tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện; cuối năm 2022 tổ chức đánh giá, sơ kết, rút kinh nghiệm giữa giai đoạn và cuối năm 2025 tổng kết, đánh giá Đề án.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện pháp luật về thủy lợi

a) Tổ chức hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ giám sát, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

b) Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi:

- Tổng cục Thủy lợi chủ trì tổ chức xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở trung ương (Tổng cục Thủy lợi, Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, cơ quan chức năng thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường...).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở địa phương (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, công ty KTCT thủy lợi, Công an tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền cấp Huyện, Xã).

c) Tổng cục Thủy lợi chủ trì tổ chức xây dựng Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho các địa phương thực hiện việc cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi liên tỉnh.

2. Tổ chức thống kê các nguồn xả thải, thực hiện cấp phép

a) Điều tra, đánh giá hiện trạng và xác định các nguồn xả thải chủ yếu gây ô nhiễm, suy giảm chất lượng nước các hệ thống công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, liên tỉnh. Ưu tiên xác định các nguồn thải, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng để kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp.

- Đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh chịu trách nhiệm thống kê nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi thuộc địa phận quản lý và tổng hợp thống kê nguồn thải từ các đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp huyện, định kỳ 3 tháng 1 lần gửi báo cáo đến đơn vị khai thác công trình thủy lợi liên tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và báo cáo đột xuất khi có sự cố phát sinh, khi phát hiện các nguồn nước xả thải mới có mức độ ảnh hưởng lớn hoặc

khi phát hiện các hành vi vi phạm của chủ nguồn xả thải.

- Đơn vị khai thác công trình thủy lợi liên tỉnh chịu trách nhiệm thống kê nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi thuộc địa phận quản lý và tổng hợp thống kê nguồn thải từ các đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh, định kỳ 3 tháng 1 lần gửi báo cáo kết quả về Tổng cục Thủy lợi và báo cáo đột xuất khi có sự cố phát sinh, khi phát hiện các nguồn thải mới có mức độ ảnh hưởng lớn hoặc khi phát hiện các hành vi vi phạm của chủ nguồn xả thải.

b) Tổng cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh triển khai thực hiện việc cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định tại Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ, Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp việc cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi liên tỉnh. Kiểm soát, không cấp phép xả thải vào công trình thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân xả nước thải không đạt quy chuẩn cho phép theo quy định.

c) Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi tổ chức ký kết, thực hiện hợp đồng dịch vụ tiêu thoát nước, thỏa thuận việc cấp phép và giám sát thực hiện giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc địa phận quản lý.

3. Truyền thông nâng cao nhận thức

a) Tổng cục Thủy lợi chủ trì tổ chức tuyên truyền về trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp và người dân trong việc bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi: (i) Biên soạn và phát hành sổ tay hướng dẫn quản lý môi trường nước trong công trình thủy lợi; (ii) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (VTV, VOV, báo giấy), các bản tin chuyên ngành; (iii) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện thông tin, truyền thông điểm, định kỳ về thực trạng chất lượng nước, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm. Công khai hóa các thông tin, dữ liệu liên quan đến tình hình ô nhiễm và các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nguồn nước công trình thủy lợi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Tăng cường các biện pháp quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

a) Đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh, liên tỉnh tổ chức quan trắc chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi được giao quản lý.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo vệ chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi: Hiện trạng chất lượng nước; tình hình vi phạm và xử lý vi phạm về xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi; tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Tổng cục Thủy lợi chủ trì tổ chức xây dựng, quản lý khung cơ sở dữ liệu chung của các hệ thống công trình liên tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh chủ trì tổ chức cập nhật số liệu của địa phương mình vào cơ sở dữ liệu chung.

c) Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong kiểm tra, xử lý vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc địa bàn phụ trách, không để phát sinh các vụ vi phạm mới. Xử lý kiên quyết, dứt điểm từng vụ vi phạm không để kéo dài, tái vi phạm.

- Tổng cục Thủy lợi kiểm tra, đôn đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các điểm nóng về vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi do Bộ quản lý.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc địa phận quản lý.

d) Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào kiểm soát, giám sát ô nhiễm nguồn nước: Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ, bảo vệ những người tố cáo các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước, khen thưởng kịp thời đối với những người có thành tích bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

đ) Xây dựng và đưa vào vận hành thí điểm hệ thống quan trắc chất lượng nước tự động trên hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải (11 vị trí), Bắc Nam Hà (8 vị trí), Dầu Tiếng (4 vị trí). Điểm quan trắc đặt tại các vị trí (theo TCVN 8367 : 2010 Hệ thống công trình thủy lợi – Mạng lưới lấy mẫu chất lượng nước) như: thượng lưu các công trình điều tiết nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, sau hợp lưu giữa nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi với nguồn nước thải tập trung của khu công nghiệp, bệnh viện, các làng nghề...

e) Tổ chức rà soát điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi có xét đến nhiệm vụ giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, trước mắt thực hiện cho hệ thống Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà.

5. Thu gom nguồn xả, xử lý trước khi xả vào công trình thủy lợi

Kiến nghị các địa phương tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng và duy trì vận hành hiệu quả các nhà máy, trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để đảm bảo kiểm soát chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả thải vào công trình thủy lợi theo Quyết định 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

III. TIẾN ĐỘ VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Tiến độ thực hiện

Đề án được thực hiện trong giai đoạn 2020-2025, trong đó:

- Từ năm 2020 đến hết năm 2022: Hoàn chỉnh hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy chế phối hợp xử lý vi phạm; thực hiện các giải pháp về truyền thông nâng cao nhận thức; tăng cường quản lý, thanh tra kiểm tra, xử lý vi phạm; Phần đầu đến hết năm 2022 đạt tỷ lệ 100% các bệnh viện và khu công nghiệp, 50% các cụm công nghiệp và làng nghề có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ) phải có giấy phép theo quy định tại nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Từ năm 2023 đến hết năm 2025: Tiếp tục thực hiện các giải pháp về truyền thông nâng cao nhận thức; tăng cường quản lý, thanh tra kiểm tra, xử lý vi phạm; Phần đầu đến hết năm 2025 đạt tỷ lệ 80% các cụm công nghiệp và làng nghề có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ) phải có giấy phép theo quy định tại nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về xả nước thải vào công trình thủy lợi.

2. Nguồn lực thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án được huy động từ nhiều nguồn khác nhau như: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn thu của các Công ty khai thác công trình thủy lợi, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng, xã hội hóa.

Dự kiến kinh phí thực hiện Đề án là 62,8 tỷ đồng, tập trung vào các nội dung truyền thông, lắp đặt thiết bị quan trắc chất lượng nước, trong đó:

Kinh phí thực hiện Đề án phân theo lộ trình:

- Giai đoạn 2020-2022: 44,2 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2023-2025: 18,6 tỷ đồng.

Kinh phí thực hiện Đề án phân theo tính chất nguồn vốn:

- Kinh phí đầu tư: 25,3 tỷ đồng.

- Kinh phí chi thường xuyên: 37,5 tỷ đồng.

Kinh phí thực hiện Đề án phân theo cơ cấu nguồn vốn:

- Vốn trung ương: 34,0 tỷ đồng.

- Vốn địa phương: 28,8 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phục lục I kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Thủy lợi

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trực thuộc Bộ, các cơ quan, đơn vị có liên quan, các địa phương triển khai thực hiện Đề án.

b) Chủ trì xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở trung ương (Tổng cục Thủy lợi, Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, cơ quan chức năng thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường...) trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi; xây dựng Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho các địa phương thực hiện việc cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi liên tỉnh.

c) Thực hiện việc cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định tại nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ, Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp việc cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi liên tỉnh.

d) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (phổ biến pháp luật, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm). Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

đ) Tổ chức xây dựng khung cơ sở dữ liệu về chất lượng nước tại các hệ thống công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình vi phạm và xử lý vi phạm về xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép các hoạt động trong hệ thống công trình thủy lợi.

e) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền; tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi do Bộ quản lý.

g) Tổ chức xây dựng và đưa vào vận hành thí điểm hệ thống quan trắc chất lượng nước tự động trên hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải (11 vị trí), Bắc Nam Hà (8 vị trí), Dầu Tiếng (4 vị trí).

h) Tổ chức rà soát điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi có xét đến nhiệm vụ giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, trước mắt thực hiện cho hệ thống Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà.

i) Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện đề án. Định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án khi cần thiết.

2. Các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Vụ Kế hoạch: chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Quản lý doanh nghiệp, Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị liên quan cân đối bố trí lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Đề án.

b) Cục trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Tổng cục Thủy sản, Báo Nông nghiệp Việt Nam và các đơn vị liên quan: tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng, hạn chế việc sử dụng các hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, thay thế bằng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, an toàn để tránh các ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường nước.

c) Thanh tra Bộ, Vụ Pháp chế: hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ các điều kiện vật chất, kỹ thuật cho Tổng cục Thủy lợi trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

d) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các đơn vị rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thủy lợi hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới phục vụ giám sát, bảo vệ chất lượng trong hệ thống thủy lợi, giải quyết ô nhiễm.

3. Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng Kế hoạch triển khai các nội dung có liên quan trong Đề án này trên địa bàn tỉnh. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi, các nội dung của Đề án trên địa bàn.

b) Chủ trì tổ chức xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở địa phương (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, công ty KTCT thủy lợi, Công an tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền cấp Huyện, Xã) trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

c) Triển khai thực hiện việc cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định tại nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ, Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp việc cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi liên tỉnh. Kiểm soát, không cấp phép xả thải vào công trình thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân xả nước thải không đạt quy chuẩn cho phép theo quy định.

d) Chủ trì tổ chức cập nhật số liệu của địa phương mình vào cơ sở dữ liệu chung về chất lượng nước tại các hệ thống công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình vi phạm và xử lý vi phạm về xả nước thải gây ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi; dữ liệu về tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép xả nước thải

vào công trình thủy lợi.

d) Thực hiện thông tin, truyền thông điêm, định kỳ về thực trạng chất lượng nước, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm. Công khai hóa các thông tin, dữ liệu liên quan đến tình hình ô nhiễm và các tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nguồn nước công trình thủy lợi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

e) Rà soát, Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Đối với các công trình ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi phải thực hiện các giải pháp khắc phục; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

g) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc địa phận quản lý. Xử lý kiên quyết, dứt điêm các vụ vi phạm không để tồn tại kéo dài, tái vi phạm.

h) Định kỳ tháng 12 hằng năm báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Đề án.

4. Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi

a) Chủ động tăng cường giám sát nguồn thải của các nhà máy, xí nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và sinh hoạt của các hộ dân. Khi phát hiện vi phạm về xả thải vào công trình thủy lợi có trách nhiệm kịp thời thông báo và phối hợp với cấp có thẩm quyền xử lý.

- Đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh chịu trách nhiệm thống kê nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi thuộc địa phận quản lý và tổng hợp thống kê nguồn thải từ các đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp huyện, định kỳ 3 tháng 1 lần gửi báo cáo đến đơn vị khai thác công trình thủy lợi liên tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và báo cáo đột xuất khi có sự cố phát sinh, khi phát hiện các nguồn nước xả thải mới có mức độ ảnh hưởng lớn hoặc khi phát hiện các hành vi vi phạm của chủ nguồn xả thải.

- Đơn vị khai thác công trình thủy lợi liên tỉnh chịu trách nhiệm thống kê nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi thuộc địa phận quản lý và tổng hợp thống kê nguồn thải từ các đơn vị khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh, định kỳ 3 tháng 1 lần gửi báo cáo kết quả về Tổng cục Thủy lợi và báo cáo đột xuất khi có sự cố phát sinh, khi phát hiện các nguồn thải mới có mức độ ảnh hưởng lớn hoặc khi phát hiện các hành vi vi phạm của chủ nguồn xả thải.

b) Thực hiện công tác quan trắc, giám sát chất lượng nước trong công trình thủy lợi, đặc biệt là tại các điêm tiếp nhận nguồn xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi để kiểm soát tình hình ô nhiễm.

c) Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi có xét đến nhiệm vụ giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, trước mắt thực hiện cho hệ thống Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà.

5. Chính quyền địa phương các cấp nơi có công trình thủy lợi

a) Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

b) Chỉ đạo, tổ chức việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của khu đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Điều 44 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

c) Tăng cường kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

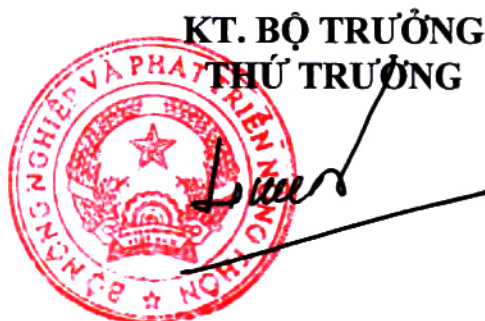
(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP có liên quan;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTL. (150).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I
KINH PHÍ/TRIỂN KHAI MỘT SỐ HẠNG MỤC CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3729/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/9 /2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(đơn vị: triệu đồng)

Nội dung	Giai đoạn 2020-2022			Giai đoạn 2023-2025			Kinh phí			Tính chất nguồn kinh phí
	Trung ương	Địa phương	Tổng	Trung ương	Địa phương	Tổng	Trung ương	Địa phương	Tổng	
Chuẩn bị thực hiện Đề án	300		300				300		300	
Tổ chức Hội nghị phổ biến nội dung Đề án	300						300			Chi thường xuyên
Truyền thông nâng cao nhận thức	2.100	14.400	16.500	2.100	14.400	16.500	4.200	28.800	33.000	(1)
Biên soạn và phát hành các ấn phẩm thông tin, tuyên truyền	300		300	300		300	600		600	Chi thường xuyên
Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, bảo vệ chất lượng nước trong CTTL	900		900	900		900	1 800		1 800	Chi thường xuyên
Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương và tại 16 tỉnh, thành phố (phổ biến pháp luật, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm)	900	14 400	15 300	900	14 400	15 300	1 800	28 800	30 600	Chi thường xuyên
Tăng cường quản lý, thanh tra, xử lý vi phạm	27.100		27.100	1.800		1.800	28.900		28.900	
Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo vệ chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi	1 800		1 800	1 800		1 800	3 600		3 600	Chi thường xuyên (2)
Xây dựng và đưa vào sử dụng thí điểm hệ thống quan trắc tự động	25 300		25 300				25 300		25 300	Chi đầu tư (3)

44

Nội dung	Giai đoạn 2020-2022			Giai đoạn 2023-2025			Kinh phí			Tính chất nguồn kinh phí
	Trung ương	Địa phương	Tổng	Trung ương	Địa phương	Tổng	Trung ương	Địa phương	Tổng	
Tổng hợp báo cáo, tổng kết đánh giá	300		300	300		300	600		600	
Sơ kết giai đoạn I của Đề án	300		300				300		300	Chi thường xuyên
Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án				300		300	300		300	Chi thường xuyên
Tổng kinh phí	29.800	14.400	44.200	4.200	14.400	18.600	34.000	28.800	62.800	

Ghi chú:

- (1) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm o) khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi;
- (2) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm k) khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi;
- (3) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 38, điểm a) và điểm c) khoản 1 Điều 20 Luật Thủy lợi; khoản 1 Điều 7 thông tư 73/2018/TT-BTC hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.



Phụ lục II
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3729/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/9/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	Chuẩn bị thực hiện Đề án				
1	Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Đề án	Các sở NN và PTNT		Quyết định	Quý I/2020
2	Tổ chức Hội nghị phổ biến nội dung Đề án	TCTL	Các địa phương, các cơ quan liên quan	Hội nghị	Quý I/2020
II	Triển khai thực hiện pháp luật về thủy lợi				
1	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ giám sát, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi	Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Các cơ quan liên quan	Tiêu chuẩn, quy chuẩn	Năm 2020-2025
2	Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở trung ương, giữa các cơ quan, đơn vị ở địa phương trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm, bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi	TCTL, Các sở NN và PTNT	Các cơ quan liên quan	Quyết định	Năm 2020
3	Xây dựng Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT phân cấp việc cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi liên tỉnh	TCTL	Các sở NN và PTNT	Quyết định	Năm 2020
III	Tổ chức thống kê các nguồn nước xả thải vào CTTL, giám sát việc thực hiện giấy phép				
1	Điều tra, thống kê các nguồn xả thải chủ yếu gây ô nhiễm nguồn nước trong CTTL	Các tổ chức khai thác CTTL	Các cơ quan liên quan	Báo cáo	Hàng Quý

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
2	Giám sát thực hiện giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi	Các tổ chức khai thác CTTL	Các cơ quan liên quan		Thường xuyên
IV	Truyền thông nâng cao nhận thức				
1	Biên soạn và phát hành các ấn phẩm thông tin, tuyên truyền	TCTL	Các đơn vị QLKT, các cơ quan liên quan		Hằng năm
2	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, bảo vệ chất lượng nước trong CTTL	TCTL, Các sở NN và PTNT	Các cơ quan liên quan		Hằng năm
3	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Trung ương và tại 16 tỉnh, thành phố (phổ biến pháp luật, tình hình vi phạm và xử lý vi phạm)	TCTL, Các sở NN và PTNT	Các cơ quan liên quan		Hằng năm
V	Tăng cường quản lý, thanh tra, xử lý vi phạm				
1	Tổ chức quan trắc chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi;	Các tổ chức khai thác CTTL		Báo cáo	Hằng năm
2	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo vệ chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi	TCTL, Các sở NN và PTNT	Các đơn vị QLKT, các cơ quan liên quan	CSDL	Hằng năm
3	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền	TCTL, Các địa phương	Các đơn vị QLKT, các cơ quan liên quan		Hằng năm
4	Xây dựng và đưa vào sử dụng thí điểm hệ thống quan trắc tự động	TCTL	Các đơn vị QLKT, các cơ quan liên quan		Năm 2020-2022
5	Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi có xét đến nhiệm vụ giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước (Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà)	TCTL	Các tổ chức khai thác CTTL	Quy trình	Năm 2020-2022

Huy
46

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
VI	Tổng hợp báo cáo, tổng kết đánh giá				
1	Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm	TCTL, Các sở NN và PTNT	Các cơ quan liên quan	Báo cáo	Hằng năm
2	Sơ kết giai đoạn I của Đề án	TCTL	Các cơ quan liên quan	Hội nghị sơ kết	Quý IV/2022
3	Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án	TCTL	Các cơ quan liên quan	Hội nghị tổng kết	Quý IV/2025

My